

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: Phó Giáo sư**
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒ ; Nội dung không đúng thì để trống: ☐
Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐
Ngành: Dược ; Chuyên ngành: Kiểm nghiệm thuốc và độc chất

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên người đăng ký: LÊ ĐÌNH CHI
- Ngày tháng năm sinh: 06/01/1977; Nam ☒ Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
- Quê quán: xã Xuân Tân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 168 Trường Chinh, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Địa chỉ liên hệ : 168 Trường Chinh, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0936182345;

E-mail: ledinhchi@gmail.com, child@hup.edu.vn.

7. Quá trình công tác:

- Từ năm 1999 đến năm 2011: kiểm nghiệm viên, Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương
- Từ năm 2012 đến năm 2019: giảng viên, trường Đại học Dược Hà Nội
- Chức vụ:

Hiện nay: Giảng viên;

Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

- Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Hóa phân tích & độc chất, trường Đại học Dược Hà Nội

- Địa chỉ cơ quan: 13-15 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Điện thoại cơ quan: 02438241110

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Học vị:

- **Được cấp bằng ĐH** ngày 23 tháng 8 năm 1999, ngành: Dược, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Dược Hà Nội, Việt Nam.

- **Được cấp bằng ThS** ngày 17 tháng 02 năm 2003, ngành: Dược, chuyên ngành: Hóa học phân tử và các phân tử có hoạt tính sinh học.

Nơi cấp bằng ThS: Đại học Paul Cezanne Aix-Marseille III, Pháp.

- **Được cấp bằng TS** ngày 29 tháng 6 năm 2006, ngành: Dược, chuyên ngành: Hóa học phân tử và các phân tử có hoạt tính sinh học.

Nơi cấp bằng TS: Đại học Paul Cezanne Aix-Marseille III, Pháp.

- **Được cấp bằng TSKH** ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Dược Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Dược

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Triển khai kỹ thuật điện di mao quản đối với các chất khó phân tích, hướng tới xây dựng các phương pháp thân thiện với môi trường, linh hoạt gọn nhẹ, có thể đo tại thực địa.

- Nghiên cứu phân tích các đối tượng có hàm lượng thấp trên các mẫu có nền mẫu phức tạp sử dụng kỹ thuật phân tích hiện đại, tập trung vào phân tích các độc tố.

- Triển khai các phương pháp phân tích nhanh bằng NIR, Raman... kết hợp với xử lý dữ liệu bằng các thuật toán.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS ;

- Đã hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp Bộ, 04 đề tài NCKH cấp trường;

- Đã công bố 46 bài báo KH, trong đó 04 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Số lượng sách đã xuất bản: 02, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín.

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất

1) Tong Thi Thanh Vuong, Le Thi Hong Hao, Tu Binh Minh, **Le Dinh Chi (corresponding author)** (2018), “Spatial and seasonal variation of diarrheic shellfish poisoning (DSP) toxins in bivalve mollusks from some coastal regions of Vietnam and assessment of potential health risks”, *Marine Pollution Bulletin*, 133, 911-919 (tạp chí SCI (Q1), IF: 3,241).

2) **Thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP), giáo trình phục vụ đào tạo sau đại học và đại học**, chủ biên: GS.TS. Thái Nguyễn Hùng Thu, **biên soạn:** GS.TS. Thái Nguyễn Hùng Thu – TS. Lê Đình Chi, Nhà xuất bản Y học, 2018, ISBN: 978 – 604 – 66 – 3364 – 8.

3) **Điện di mao quản, giáo trình phục vụ đào tạo sau đại học**, chủ biên: PGS.TS. Thái Nguyễn Hùng Thu – PGS. Phạm Gia Huệ, **biên soạn:** TS. Phạm Thị Thanh Hà – TS. Lê Đình Chi, Nhà xuất bản Y học, 2015, ISBN: 978 – 604 – 66 – 1205 – 6.

4) Phân tích một số đồng phân đối quang có tính chất dược lý chọn lọc khác nhau của clorpheniramin, amlodipin và lamivudin, **Đề tài KHCN cấp Bộ Y tế, Chủ nhiệm đề tài: TS. Lê Đình Chi**, thời gian thực hiện: 11/2009 – 11/2011, nghiệm thu đạt loại xuất sắc.

5) D.C. Le, C.J. Morin, M. Beljean, A.M. Siouffi, P.L. Desbene (2005), “Electrophoretic separations of twelve phenothiazines and N-demethyl derivatives by using capillary zone electrophoresis and micellar electrokinetic chromatography with non ionic surfactant”, *Journal of Chromatography A*, 235 – 240 (tạp chí SCI (Q1), IF: 3,716) .

15. Khen thưởng:

- Bằng khen của BCH TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về thành tích xuất sắc trong phong trào tuổi trẻ NCKH các trường đại học Y dược 1998.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế năm 2010 vì đã hướng dẫn đề tài NCKH đạt giải nhất tại Hội nghị KNCN tuổi trẻ các trường Y dược Việt Nam lần thứ XV (theo quyết định số: 1618/QĐ-BYT ngày 12/5/2010)
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế năm 2016 về thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2015-2016 (theo quyết định số: 5124/QĐ-BYT ngày 22/9/2016).

16. Kỷ luật: không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá)

Tôi tự nhận thấy bản thân đạt được các yêu cầu sau về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo theo tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại quyết định số 37/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 31 tháng 8 năm 2018 “Ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư”:

- Không vi phạm đạo đức nhà giáo, không đang trong thời gian bị kỷ luật dưới bất cứ hình thức nào; trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác.

- **Thời gian làm nhiệm vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:** Có đủ thời gian làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên đạt yêu cầu khoản 2, khoản 3 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg:

+ Đã có bằng tiến sĩ từ năm 2006 (đủ 03 năm trở lên theo quy định);

+ Đã liên tục tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên từ năm học 2011 – 2012 đến năm học 2018 – 2019 (07 năm học) tại trường Đại học Dược Hà Nội tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ, đạt yêu cầu ít nhất 06 năm trong đó có 03 năm cuối liên tục (minh chứng kèm theo trong hồ sơ này có đầy đủ xác nhận giờ giảng từ năm học 2011-2012 đến năm học 2017-2018, riêng năm học 2018-2019 vào thời điểm hết hạn nộp hồ sơ trường Đại học Dược Hà Nội chưa tổng kết xong giờ giảng).

- **Hoàn thành nhiệm vụ được giao và thực hiện đủ và vượt số giờ giảng chuẩn** theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trong tất cả các năm học từ 2011-2012 đến 2017-2018 (thông tin cụ thể về số giờ giảng đã thực hiện được trình bày ở mục 2 của bản đăng ký này, có minh chứng xác nhận giờ giảng của Phòng Đào tạo trường Đại học Dược Hà Nội trong hồ sơ kèm theo).

- Có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh, tiếng Pháp phục vụ công tác chuyên môn và giao tiếp, đạt yêu cầu khoản 4 điều 4 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg.

- **Công bố kết quả nghiên cứu khoa học:** là tác giả chính (corresponding author) của 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế uy tín (thông tin chi tiết ở mục 7.1 của bản đăng ký này) được đăng sau khi được cấp bằng tiến sĩ, đạt yêu cầu khoản 4 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg .

- **Thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ:** đã chủ trì 01 đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ Y tế nghiệm thu kết quả đạt loại xuất sắc và 04 đề tài khoa học công nghệ cấp trường nghiệm thu kết quả đạt từ khá trở lên, đạt yêu cầu khoản 5 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg (danh sách chi tiết tại mục 6 của bản đăng ký này).

- **Hướng dẫn học viên cao học và nghiên cứu sinh:** đã hướng dẫn chính 01 nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sĩ và hướng dẫn 04 học viên được cấp bằng thạc sĩ (danh sách chi tiết tại mục 4 của bản đăng ký này), đạt yêu cầu khoản 6 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg.

- **Các công trình khoa học được tính điểm quy đổi theo quy định tại điều 7 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg:** đã công bố được 46 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước (danh sách chi tiết tại mục 7.1 của bản đăng ký này) và tham gia biên soạn 02 giáo trình phục vụ đào tạo đại học và sau đại học (thông tin chi tiết tại mục 5 của bản đăng ký này).

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 08 năm.

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2011-2012	0	0	0	01	147	0	147
2	2012-2013	0	0	0	01	488	22	510
3	2013-2014	0	0	0	03	620	45	665
4	2014-2015	0	0	0	03	707	41	748
5	2015-2016	01*	0	0	02	728	80	808
3 năm học cuối								
6	2016-2017	01*	0	0	02	502,5	83	585,5
7	2017-2018	01*	0	02	02	390,5	173	563,5
8	2018-2019	0	0	0	04	420	81	501

Ghi chú: *Hướng dẫn chính 01 NCS trong giai đoạn 2015 – 2018.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh, Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒ :

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Pháp năm 2002 (luận văn ThS) và 2006 (luận án TS)

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☒ :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: bằng Cử nhân ngoại ngữ, hệ: Tại chức, ngành: tiếng Anh, số bằng: B 147452; năm cấp: 1999.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒ :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ : Pháp

- Nơi giảng dạy: đại học Dược Hà Nội, đại học Khoa học sức khỏe Lào, đại học Khoa học sức khỏe Campuchia (trong chương trình Master Mekong Pharma liên kết với một số trường đại học Pháp do quỹ Pierre Fabre tài trợ: <http://www.mastermekongpharma.com/fr/>)

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh: Bằng Cử nhân ngoại ngữ ngành tiếng Anh hệ tại chức (số bằng: B 147452, cấp ngày 20/01/1999).

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Tổng Thị Thanh Vượng	✓		✓		2015 - 2018	ĐH Dược Hà Nội	2019
2	Nguyễn Mai Hương		✓	✓		2017-2018	ĐH Dược Hà Nội	2018
3	Đồng Văn Thành		✓	✓		2017-2018	ĐH Dược Hà Nội	2018
4	Đỗ Thu Trang		✓	✓		2010-2011	ĐH Dược Hà Nội	2011
5	Nguyễn Thị Ngọc Loan		✓	✓		2009 - 2010	ĐH Dược Hà Nội	2010

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CSGDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị TS						
1	Thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP)	Giáo trình	NXB Y học, 2018	02	Phần biên soạn: tr.9- tr.127	
2	Điện di mao quản	Giáo trình	NXB Y học, 2015	04	Phần biên soạn: tr.47 - tr.126	

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	Phân tích một số đồng phân đối quang có tính chất dược lý chọn lọc khác nhau của clorpheniramin, amlodipin và lamivudin	Chủ nhiệm	Bộ Y tế	2009-2011	2011

2	Xây dựng phương pháp phân tích đồng phân đối quang của Omeprazol	Chủ nhiệm	Cấp trường	2012-2013	2013
3	Xây dựng phương pháp phân tích sibutramin trong chế phẩm giảm béo dạng nang cứng bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao.	Chủ nhiệm	Cấp trường	2014-2015	2015
4	Xây dựng phương pháp phân tích một số anthocyanin trong rau củ bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao.	Chủ nhiệm	Cấp trường	2015-2016	2016
5	Xây dựng phương pháp định lượng tobramycin trong chế phẩm bằng điện di mao quản với detector đo độ dẫn không tiếp xúc qua ghép điện dung (CE-C4D).	Chủ nhiệm	Cấp trường	2016-2017	2017

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị TS								
1	Electrophoretic separations of twelve phenothiazines and N-demethyl derivatives by using capillary zone electrophoresis and micellar electrokinetic chromatography with non ionic surfactant	5		Journal of Chromatography A (SCI (Q1), IF: 3,716)		1063	235-240	2005
2	The Behavior of Some Phenothiazines and Their Demethylated Derivatives in Reversed-Phase Liquid Chromatography	3		Journal of Chromatographic Science (SCI (Q3), IF: 1,037)		22	49-54	2006
Sau khi bảo vệ học vị TS								
3	Development and Validation of an HPLC Method for Simultaneous Assay of Potassium Guaiacolsulfonate and Sodium Benzoate in Pediatric Oral Powder	3		Journal of Analytical Method of Chemistry (SCI (Q2), IF: 1,262)		Volume 2019	Article ID 6143061, 9 pages	2019

4	Spatial and seasonal variation of diarrheic shellfish poisoning (DSP) toxins in bivalve mollusks from some coastal regions of Vietnam and assessment of potential health risks	4		Marine Pollution Bulletin (SCI (Q1), IF: 3,241)	133	911-919	2018
5	Evaluation of the Ability to Apply Near-Infrared Spectroscopy on Direct Assay of Acyclovir in Tablets	4		Journal of Pharmacy and Pharmacology	5	841-849 doi: 10.1726 5/2328- 2150/20 17.12.00 1	2018
6	Xây dựng phương pháp định lượng đồng thời methylisotriazolinon (MI) và methylchloroisotriazolinon (MCI) trong mẫu khăn ướt bằng kỹ thuật HPLC	3	Tạp chí Dược học		Tập 59, số 518	13-16	2019
7	Xây dựng phương pháp định lượng trực tiếp lamivudin trong viên nén bằng phương pháp quang phổ cận hồng ngoại	3	Tạp chí Dược học		Tập 59, số 516	20-24	2019
8	Xác định tạp đồng phân đối quang R-ketoprofen trong viên nén dexketoprofen bằng phương pháp HPLC	3	Tạp chí Dược học		Tập 59, số 516	62-67	2019
9	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời tenofovir disoproxil fumarat, lamivudin và efavirenz trong viên nén bằng kỹ thuật HPLC	3	Tạp chí Dược học		Tập 59, số 515	24-26	2019
10	Xây dựng quy trình định lượng paris saponin H (paris H), paris saponin II (paris II) và gracillin chiết xuất, phân lập từ cây bảy lá một hoa Việt Nam bằng kỹ thuật HPLC	4	Tạp chí Dược học		Tập 59, số 514	14-16	2019
11	Xây dựng phương pháp HPLC đơn giản để định lượng cefaclor trong huyết tương hướng tới phục vụ theo dõi điều trị	2	Tạp chí Dược học		Tập 59, số 513	28-31	2019
12	Xác định tổng hàm lượng silybin A, silybin B và isosilybin A trong một số thực phẩm bảo vệ sức khỏe công bố có chứa silymarin	2	Tạp chí Dược học		Tập 58, số 512	29-32	2018
13	Xác định hàm lượng benzalkonium clorid trong chế phẩm dung dịch xịt mũi bằng kỹ thuật HPLC	4	Tạp chí Dược học		Tập 58, số 512	80-83	2018

14	Định lượng tobramycin trong thuốc mỡ tra mắt bằng điện di mao quản với detector độ dẫn không tiếp xúc	4	Tạp chí Dược học			Tập 58, số 503	6-8	2018
15	Xây dựng phương pháp định lượng ceftazidim trong huyết tương bằng HPLC	3	Tạp chí Dược học			Tập 58, số 501	71-74	2018
16	Xây dựng phương pháp định lượng hydroxyprolin với detector huỳnh quang để xác định hàm lượng collagen toàn phần trong thực phẩm chức năng	2	Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc			Tập 16, số 60	20-23	2018
17	Xây dựng phương pháp định lượng imipenem và meropenem trong huyết tương bằng HPLC	3	Tạp chí Dược học			Tập 57, số 500	46-49	2017
18	Xác định amlodipin và perindopril bằng điện di mao quản	4	Tạp chí Dược học			Tập 57, số 499	47-48, 86	2017
19	Xây dựng quy trình định lượng apigenin bằng HPLC trong dược liệu cúc hoa vàng	4	Tạp chí Dược học			Tập 57, số 491	12-14, 58	2017
20	Xây dựng phương pháp định lượng đồng thời paracetamol và tramadol hoặc cafein bằng điện di mao quản	3	Tạp chí Dược học			Tập 57, số 491	67-69	2017
21	Xây dựng phương pháp phân tích đồng thời cephalixin, cefixim, cefdinir bằng điện di mao quản vùng	3	Tạp chí Nghiên cứu dược & thông tin thuốc			Số 2/2017	24-28	2017
22	Xây dựng phương pháp định lượng đồng thời erythromycin stearat, sulfamethoxazol và trimethoprim bằng điện di mao quản vùng	4	Tạp chí kiểm nghiệm thuốc			Tập 15, số 58	12-18	2017
23	Xây dựng phương pháp xác định aflatoxin B1 trong dược liệu bằng LC-MS/MS	3	Tạp chí kiểm nghiệm thuốc			Tập 15, số 56	5-10	2017
24	Xây dựng quy trình xác định acid okadaic trong Vẹm xanh bằng LC-MS/MS	5	Tạp chí Nghiên cứu dược & thông tin thuốc			Số 4+5 /2016	97-102	2016
25	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời 3 anthocyanidin trong một số loại rau củ bằng kỹ thuật HPLC	5	Tạp chí Dược học			Tập 56, số 484	26-30	2016

26	Xây dựng phương pháp định lượng đồng thời Atropin và Thimerosal trong thuốc nhỏ mắt bằng HPLC	2	Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc			Tập 14, số 52	7-12	2016
27	Xác định đồng thời 16 hydrocarbon thơm đa vòng trong thịt và sản phẩm thịt bằng sắc ký khí khối phổ 2 lần (GC-MS/MS)	4	Tạp chí phân tích hóa, lý và sinh học			Tập 21, Số 4/2016	88-95	2016
28	Xây dựng quy trình xác định bufalin trong sản phẩm có chứa bột cóc bằng LC-MS/MS	2	Tạp chí Nghiên cứu dược & thông tin thuốc			Số 1/2015	10-15	2015
29	Bước đầu nghiên cứu tách đồng phân đối quang của promethazin bằng điện di mao quản sử dụng β -CD	3	Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc			Tập 13, số 49	23-26	2015
30	Xây dựng quy trình phân tích đồng phân đối quang của omeprazol bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao	2	Tạp chí Dược học			Tập 53, số 448	30-34	2013
31	Phân tích đồng phân đối quang của amlodipin bằng phương pháp điện di mao quản	2	Tạp chí Dược học			Tập 53, số 443	42-46	2013
32	Phân tích đồng phân đối quang của ofloxacin bằng phương pháp điện di mao quản	2	Tạp chí Nghiên cứu dược & thông tin thuốc			Số 1/2012	21-25	2012
33	Định lượng các dạng clorpheniramin đang được sử dụng trong chế phẩm thuốc bằng phương pháp HPLC trên cột sắc ký chọn lọc đối quang		Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc			Tập 10, số 37	10-16	2012
34	Định tính phân biệt clorpheniramin racemic và dexchlorpheniramin trong chế phẩm thuốc bằng phương pháp HPLC trên cột chọn lọc đối quang	2	Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc			Tập 10, số 35	18-22	2012
35	Xây dựng qui trình xác định chất màu Pigment Orange 5 có mặt trái phép trong sơn môi và sơn móng bằng phương pháp HPLC	4	Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc			Tập 10, số 35	8-13	2012
36	Xây dựng quy trình xác định tạp đối quang của lamivudin bằng điện di mao quản có sử dụng chất chọn lọc đối quang	3	Tạp chí Nghiên cứu dược & thông tin thuốc			Số 4/2011	122-125	2011

37	Nghiên cứu định lượng tacrolimus trong thuốc mỡ bằng sắc ký lỏng pha đảo	2	Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc			Tập 9, số 34	6-10	2011
38	Xây dựng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao để phân tích đồng phân đối quang của amlodipin	5	Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc			Tập 9, số 33	10-14	2011
39	Định lượng đồng thời clorpheniramin maleat, dextromethorphan hydrobromid và pseudoephedrine hydroclorid trong siro AMEFLU ban đêm bằng phương pháp điện di mao quản	2	Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc			Tập 9, số 32	20-24	2011
40	Xây dựng phương pháp phân tích đồng phân đối quang của clorpheniramin maleat bằng điện di mao quản	2	Tạp chí Dược học			Tập 51, số 427	30-34	2011
41	Xây dựng phương pháp phát hiện chất màu metanil yellow có mặt trái phép trong sơn môi và sơn móng tay	4	Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc			Tập 9, số 32	9-14	2011
42	Xây dựng phương pháp định lượng thủy ngân trong một số mỹ phẩm dạng kem bôi da bằng quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS)	2	Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc			Tập 9, số 31	24-28	2011
43	Xây dựng phương pháp định tính, định lượng lactulose trong dung dịch uống bằng điện di mao quản với detector UV trực tiếp	2	Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc			Tập 7, số 23	12-15	2009
44	Xây dựng phương pháp định lượng thủy ngân trong một số dược liệu bằng quang phổ hấp thụ nguyên tử	2	Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc			Tập 6, số 22	20-24	2008
45	Sử dụng mao quản silic được phủ bề mặt bằng hexadimethrin bromide để phân tích các phenothiazin bằng sắc ký điện động mixen	2	Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc			Tập 5, số 16	11-14	2007
46	Xây dựng phương pháp xác định các chất màu nhóm sudan trong sơn môi bằng sắc ký lỏng pha đảo với detector diode array	4	Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc			Tập 5, số 16	18-22	2007

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

1) Tong Thi Thanh Vuong, Le Thi Hong Hao, Tu Binh Minh, **Le Dinh Chi (corresponding author)** (2018), “Spatial and seasonal variation of diarrheic shellfish poisoning (DSP) toxins in bivalve mollusks from some coastal regions of Vietnam and assessment of potential health risks”, Marine Pollution Bulletin, 133, 911-919. (SCI (Q1), IF: 3,241).

2) Thi Huong Hoa Le, Thi Hong Phung, **Dinh Chi Le (corresponding author)** (2019), “Development and Validation of an HPLC Method for Simultaneous Assay of Potassium Guaiacolsulfonate and Sodium Benzoate in Pediatric Oral Powder”, Journal of Analytical Methods in Chemistry, Volume 2019, Article ID 6143061, 9 pages <https://doi.org/10.1155/2019/6143061>. (SCI (Q2), IF: 1,262)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
...				

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...)

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
...				

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

-

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS: ☐
- Giờ chuẩn giảng dạy: ☐
- Công trình khoa học đã công bố: ☐
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ: ☐
- Hướng dẫn NCS, ThS: ☐

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2019

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chu
Lê Đình Chi

D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

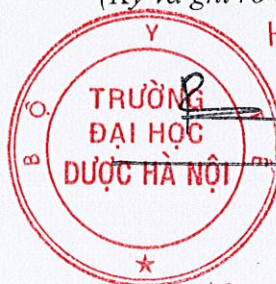
- Các nội dung “Thông tin cá nhân” được ông Lê Đình Chi khai tại phần A của bản đăng ký này là chính xác và đúng với hồ sơ viên chức đang lưu tại trường Đại học Dược Hà Nội.
- Những thông tin ông Lê Đình Chi khai trong bản đăng ký này về giai đoạn công tác tại trường Đại học Dược Hà Nội từ năm học 2011-2012 đến nay là chính xác. Trong giai đoạn công tác tại trường Đại học Dược Hà Nội từ năm học 2011 – 2012 đến nay, ông Lê Đình Chi đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2019

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Bình